

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	8 – 23
Phụ lục: Bảng Tổng hợp giao dịch các bên liên quan	24 – 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101788806 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 08/11/2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLEUM LOGISTIC SERVICE AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: PLAND.,JSC.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Vương Thái Dũng	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Hùng	Ủy viên
Ông Trương Hùng Sơn	Ủy viên
Ông Vũ Đức Tiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 và tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Phan Thanh Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Phan Thanh Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Số: 612/2017/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu, được lập ngày 10 tháng 8 năm 2017, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/6/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2015-137-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2017	01/01/2017
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		34.614.555.562	106.601.217.501
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	25.497.695.055	62.163.701.657
1. Tiền	111		741.769.866	3.179.604.660
2. Các khoản tương đương tiền	112		24.755.925.189	58.984.096.997
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.463.217.697	34.184.259.855
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	4.314.020.952	4.830.900.952
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	5.616.093.935	5.616.093.935
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	2.144.003.762	32.048.162.570
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(8.610.900.952)	(8.310.897.602)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	5.085.177.000	9.454.949.546
1. Hàng tồn kho	141		5.085.177.000	9.454.949.546
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		568.465.810	798.306.443
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	46.233.800	41.573.316
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		247.803.719	482.304.836
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		274.428.291	274.428.291
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		84.434.327.087	84.461.245.711
II. Tài sản cố định	220		12.388.805.297	12.546.424.661
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	3.237.555.297	3.395.174.661
- Nguyên giá	222		6.808.671.755	6.808.671.755
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.571.116.458)	(3.413.497.094)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	9.151.250.000	9.151.250.000
- Nguyên giá	228		9.151.250.000	9.151.250.000
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	64.082.986.208	64.082.986.208
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		64.082.986.208	64.082.986.208
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.11	7.368.737.698	7.167.854.918
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.620.000.000	1.620.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		4.745.010.000	4.745.010.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.034.277.840	4.334.277.840
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.030.550.142)	(3.531.432.922)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		593.797.884	663.979.924
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	593.797.884	663.979.924
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		119.048.882.649	191.062.463.212

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

NGUỒN VỐN	MS	30/6/2017	01/01/2017
		VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300	24.315.265.800	94.794.685.639
I. Nợ ngắn hạn	310	21.837.240.202	92.597.218.099
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	2.801.081	34.522.384
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	2.291.909.985	2.491.909.985
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313 5.12	24.360.213	24.886.843
4. Phải trả người lao động	314	232.609.783	689.736.342
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318 5.13	2.128.238.765	439.468.412
9. Phải trả ngắn hạn khác	319 5.14	17.106.234.191	88.865.607.949
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	51.086.184	51.086.184
II. Nợ dài hạn	330	2.478.025.598	2.197.467.540
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	571.025.598	290.467.540
7. Phải trả dài hạn khác	337 5.14	1.907.000.000	1.907.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400	94.733.616.849	96.267.777.573
I. Vốn chủ sở hữu	410 5.15	94.733.616.849	96.267.777.573
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	12.739.309.410	12.754.161.319
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	1.376.525.328	1.376.525.328
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(19.382.217.889)	(17.862.909.074)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	(17.862.909.074)	(14.345.022.572)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(1.519.308.815)	(3.517.886.502)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440	119.048.882.649	191.062.463.212

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
			đến 30/6/2017	đến 30/6/2016
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.16	6.286.265.193	1.766.772.728
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		6.286.265.193	1.766.772.728
4. Giá vốn hàng bán	11	5.17	5.970.236.333	1.352.000.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		316.028.860	414.772.728
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.18	671.455.359	2.179.419.791
7. Chi phí tài chính	22	5.19	(500.880.750)	629.866.342
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.010.087.966	6.176.197.738
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.521.722.997)	(4.211.871.561)
{30 = 20 + (21-22) + 24 - (25+26)}				
11. Thu nhập khác	31		2.414.182	258.259.091
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.20	2.414.182	258.259.091
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.519.308.815)	(3.953.612.470)
(50 = 30+40)				
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.519.308.815)	(3.953.612.470)
(60 = 50-51-52)				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	(152)	(198)

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2017	Từ 01/01/2016
		đến 30/6/2017	đến 30/6/2016
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(1.519.308.815)	(3.953.612.470)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	157.619.364	253.320.270
- Các khoản dự phòng	03	(200.879.430)	4.192.211.260
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.030	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(671.455.359)	(2.179.419.791)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.234.022.210)	(1.687.500.731)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	30.640.688.016	7.909.903.504
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.369.772.546	(2.738.000)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(70.479.419.839)	2.589.295.488
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	65.521.556	(10.138.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(37.637.459.931)	8.798.821.298
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(682.150.964)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	257.272.727
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	300.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	671.455.359	2.179.419.791
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	971.455.359	1.754.541.554
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(36.666.004.572)	10.553.362.852
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	62.163.701.657	105.524.602.265
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.030)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	25.497.695.055	116.077.965.117

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hùng

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101788806 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/9/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 08/11/2016. Vốn điều lệ của Công ty là 100 tỷ đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: PETROLEUM LOGISTIC SERVICE AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: PLAND.,JSC.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	30/6/2017 VND	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	5.100.000	51.000.000.000	51,00%
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	500.000	5.000.000.000	5,00%
Công ty CP Xây lắp I Petrolimex	250.000	2.500.000.000	2,50%
Công ty Xăng dầu Khu vực II	25.000	250.000.000	0,25%
Công ty TNHH Đông Dương	500.000	5.000.000.000	5,00%
Công ty CP Chứng khoán SHS	980.000	9.800.000.000	9,80%
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	100.000	1.000.000.000	1,00%
Các cổ đông khác	2.545.000	25.450.000.000	25,45%
Tổng	10.000.000	100.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 1 Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân trong kỳ: 30 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh và cho thuê bất động sản, văn phòng làm việc, căn hộ, nhà ở, khách sạn, nhà hàng, kiốt, trung tâm thương mại, siêu thị; thuê, cho thuê đất, kho tàng, bến bãi, nhà xưởng, hội nghị, hội trường, nhà có trang bị kỹ thuật đặc biệt (phòng hoà nhạc, nhà hát, trường quay, rạp chiếu phim); kinh doanh và cho thuê các cơ sở hạ tầng xăng dầu (cửa hàng, kho chứa, đường ống, cảng tiếp nhận), kinh doanh khu du lịch, khu vui chơi giải trí;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ tư vấn, môi giới, định giá, quản lý bất động sản và các dịch vụ về nhà đất; các dịch vụ cho thuê nhà ở và văn phòng làm việc;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.

Hoạt động chính của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 là: cho thuê kho, văn phòng.

1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. *Nguyên tắc kế toán*

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Là Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty tại tổ 38 phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy.

b. *Phương pháp khấu hao*

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017

Nhà cửa và vật kiến trúc
Phương tiện vận tải

Số năm
25
06 - 07

Tài sản cố định vô hình: Công ty không trích khấu hao đối với tài sản này.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian sử dụng hữu ích của công cụ, dụng cụ nhưng không quá 03 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty chỉ có một bộ phận kinh doanh và một bộ phận địa lý là Việt Nam nên không lập Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	18.395.395	122.589.263
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	723.374.471	3.057.015.397
Các khoản tương đương tiền (*)	24.755.925.189	58.984.096.997
Tổng	25.497.695.055	62.163.701.657

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các ngân hàng.

5.2 Các khoản phải thu khách hàng

	30/6/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	4.314.020.952	4.830.900.952
CTy CP Tổng Bách hoá	2.213.344.500	2.733.344.500
Công ty TNHH TM DV & Sản xuất Athena	2.097.556.452	2.097.556.452
Đối tượng khác	3.120.000	-
Tổng	4.314.020.952	4.830.900.952

5.3 Trả trước cho người bán

	30/6/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn	5.616.093.935	5.616.093.935
Công ty CP Đầu tư Phát triển Văn phòng	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Kết cấu thép Bắc Việt	1.616.093.935	1.616.093.935
Tổng	5.616.093.935	5.616.093.935

5.4 Các khoản phải thu khác

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.144.003.762	300.000.000	32.048.162.570	300.000.000
Công ty CP Đầu tư W29	1.068.290.000	-	1.068.290.000	-
Công ty PIT (1)	-	-	29.873.044.664	-
Công ty CP Tư vấn đầu tư XD & KD BĐS Atis VN	300.000.000	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Tạm ứng	732.004.442	-	354.776.909	-
Phải thu khác	43.709.320	-	452.050.997	-
Tổng	2.144.003.762	300.000.000	32.048.162.570	300.000.000

5.5 Nợ xấu

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi (*)	8.610.900.952	-	9.130.900.952	820.003.350

(*) Công ty xác định giá trị có thể thu hồi các khoản nợ xấu bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của các đối tượng này.

Trong đó:	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Tổng Bách Hóa				2.213.344.500
Công ty TNHH TMDV & SX Athena				2.097.556.452
Công ty CP Tư vấn đầu tư XD & KD BĐS Atis VN				300.000.000
Công ty CP Tập đoàn Tiến Bộ				-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Văn phòng				4.000.000.000
Tổng	-	-	-	8.610.900.952

5.6 Hàng tồn kho

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa bất động sản	5.085.177.000	-	9.454.949.546	-
Tổng	5.085.177.000	-	9.454.949.546	-

5.7 Chi phí trả trước

	30/6/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	46.233.800	41.573.316
Công cụ, dụng cụ	46.233.800	41.573.316
Dài hạn	593.797.884	663.979.924
Công cụ, dụng cụ	133.797.884	204.646.587
Chi phí hợp tác kinh doanh	460.000.000	459.333.337
Tổng	640.031.684	705.553.240

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2017	4.308.182.236	2.432.064.910	68.424.609	6.808.671.755
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2017	<u>4.308.182.236</u>	<u>2.432.064.910</u>	<u>68.424.609</u>	<u>6.808.671.755</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2017	960.998.503	2.384.073.982	68.424.609	3.413.497.094
Tăng trong kỳ	109.628.436	47.990.928	-	157.619.364
Khấu hao trong kỳ	109.628.436	47.990.928	-	157.619.364
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư tại 30/6/2017	<u>1.070.626.939</u>	<u>2.432.064.910</u>	<u>68.424.609</u>	<u>3.571.116.458</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2017	<u>3.347.183.733</u>	<u>47.990.928</u>	<u>-</u>	<u>3.395.174.661</u>
Số dư tại 30/6/2017	<u>3.237.555.297</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>3.237.555.297</u>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2017 là: 2.500.489.519 đồng

5.9 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất lâu dài của Công ty tại tổ 38 phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, theo quy định Công ty không trích khấu hao đối với tài sản này.

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án xây dựng TTTM và Dịch vụ Ngọc Khánh	24.523.848.929	24.523.848.929
Dự án Nguyễn Văn Cừ	1.279.789.809	1.279.789.809
Dự án Quán Bính Hà Tĩnh	141.317.772	141.317.772
Dự án tòa nhà TDK	37.080.980.522	37.080.980.522
Dự án Đà Nẵng	1.057.049.176	1.057.049.176
Tổng	<u>64.082.986.208</u>	<u>64.082.986.208</u>

5.10 Tài sản dở dang dài hạn (Tiếp theo)

Chi tiết:

Dự án	Hiện trạng chi tiết
Dự án xây dựng TTTM và Dịch vụ Ngọc Khánh	Thực hiện hợp đồng góp vốn đầu tư và phân chia sản phẩm số 04/HĐKT/PLAND-Đông Dương ngày 29/09/2006. Hiện tại đối tác là Công ty CP Đầu tư Đông Dương đang hoàn thiện tòa nhà và đã bàn giao cho Pland phần diện tích được chia theo thỏa thuận
Dự án khu thương mại Nguyễn Văn Cừ	Đang thực hiện hợp đồng cho thuê công trình trên đất hình thành trong tương lai số 01/PLAND-VHC ngày 11/05/2013. Hiện nay công trình đã bàn giao đi vào sử dụng nhưng chưa quyết toán xong giá trị tài sản đầu tư trên đất.
Dự án Quán Bính Hà Tĩnh	Đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư
Dự án tòa nhà TDK-Petrolimex	Từ 8/2008 đến 3/2010 dự án tạm dừng theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để rà soát các đồ án quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội, sau khi huyện Mê Linh sáp nhập vào Hà Nội. Từ 3/2010 đến 8/2011, chờ phê duyệt quy hoạch chung TP Hà Nội, từ 8/2011 đến nay, thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch đấu nối hạ tầng kỹ thuật để phù hợp với quy hoạch chung TP Hà Nội mở rộng.
Dự án Đà Nẵng	Dự án đầu tư khai thác khu đất tại số 1 Trần Phú và số 6 Bạch Đằng - TP Đà Nẵng. Trong quá trình triển khai dự án trong dài hạn, để bù đắp chi phí tăng hiệu quả khai thác, Cty đã thực hiện hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất trung hạn số 10/PLAND-TĐ.

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 30/6/2017 như sau:

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty CP TV Công nghệ XD Petrolimex	số 1 phố Khâm Thiên, phường Khâm Thiên, quận Đống Đa, TP Hà Nội	3.000.000.000	54%	Tư vấn

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/6/2017 như sau:

Công ty	Địa chỉ đăng ký	Vốn điều lệ VND	Tỷ lệ kiểm soát	Ngành nghề
Công ty CP BĐS Nghệ An	Xóm 14 xã Nghi Kim, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An	10.000.000.000	47,45%	Kinh doanh BĐS

5.11 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)

	Tỷ lệ		30/6/2017			01/01/2017		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	%	%	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Công ty con			1.620.000.000	-	1.620.000.000	1.620.000.000	-	1.620.000.000
Công ty CP TV Công nghệ XD Petrolimex	54%	54%	1.620.000.000	-	1.620.000.000	1.620.000.000	-	1.620.000.000
b) Đầu tư Công ty liên kết			4.745.010.000	545.375.882	4.199.634.118	4.745.010.000	545.375.882	4.199.634.118
Công ty CP BĐS Nghệ An	47,45%	47,45%	4.745.010.000	545.375.882	4.199.634.118	4.745.010.000	545.375.882	4.199.634.118
c) Đầu tư dài hạn khác			4.034.277.840	2.485.174.260	1.549.103.580	4.334.277.840	2.986.057.040	1.348.220.800
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>								
Cổ phiếu ACB			4.034.277.840	2.485.174.260	1.549.103.580	4.034.277.840	2.986.057.040	1.048.220.800
<i>Đầu tư dài hạn khác</i>								
Công ty CP DV và TM Petrolimex Lâm Đồng			-	-	-	300.000.000	-	300.000.000
Tổng			10.399.287.840	3.030.550.142	7.368.737.698	10.699.287.840	3.531.432.922	7.167.854.918

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	30/6/2017	
	Số phải thu	Số phải nộp			Số phải thu	Số phải nộp
	VND	VND			VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	274.428.291	-	-	-	274.428.291	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	24.886.843	51.021.980	51.548.610	-	24.360.213
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	503.751	503.751	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.200.000	4.200.000	-	-
Tổng	274.428.291	24.886.843	59.725.731	60.252.361	274.428.291	24.360.213

5.13 Doanh thu chưa thực hiện

	30/6/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	2.128.238.765	439.468.412
Tiền thuê nhà	2.128.238.765	439.468.412
Tổng	2.128.238.765	439.468.412

5.14 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/6/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn	17.106.234.191	88.865.607.949
Kinh phí công đoàn	18.236.897	12.716.139
Công ty CP đầu tư và Du lịch Petrolimex Huế (1)	7.388.830.843	46.387.199.333
Nguyễn Đình Chiến (2)	2.200.000.000	2.200.000.000
Vốn hoàn trả các cổ đông	6.545.050.000	39.110.810.000
Cổ tức phải trả	159.734.700	204.272.700
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	538.164.194	680.339.018
Các khoản phải trả, phải nộp khác	256.217.557	270.270.759
b) Dài hạn	1.907.000.000	1.907.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.907.000.000	1.907.000.000
Tổng	19.013.234.191	90.772.607.949

(1): Khoản tiền quản lý hộ Công ty Cổ phần đầu tư và Du lịch Petrolimex Huế để chi trả các chi phí phát sinh khi giải thể doanh nghiệp trên cơ sở yêu cầu của Hội đồng giải thể Công ty Cổ phần đầu tư và Du lịch Petrolimex Huế.

(2): Hợp đồng đặt cọc ngày 03/03/2014, Ông Chiến đặt cọc số tiền là 10% giá trị tạm tính của lô đất để khai thác khu đất hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại 01 Trần Phú và số 06 Bạch Đằng, phường Hải Châu, TP Đà Nẵng, thời hạn đặt cọc là 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

5.15 **Vốn chủ sở hữu**

a. **Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2016	200.000.000.000	12.885.311.819	1.376.525.328	(14.345.022.572)	199.916.814.575
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	100.000.000.000	131.150.500	-	3.517.886.502	103.649.037.002
Giảm vốn	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
Lỗi	-	-	-	3.517.886.502	3.517.886.502
Giảm khác	-	131.150.500	-	-	131.150.500
Số dư tại 31/12/2016	100.000.000.000	12.754.161.319	1.376.525.328	(17.862.909.074)	96.267.777.573
Số dư tại 01/01/2017	100.000.000.000	12.754.161.319	1.376.525.328	(17.862.909.074)	96.267.777.573
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	14.851.909	-	1.519.308.815	1.534.160.724
Lỗi kỳ này	-	-	-	1.519.308.815	1.519.308.815
Giảm khác	-	14.851.909	-	-	14.851.909
Số dư tại 30/6/2017	100.000.000.000	12.739.309.410	1.376.525.328	(19.382.217.889)	94.733.616.849

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết Vốn chủ sở hữu

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	51.000.000.000	51.000.000.000
Công ty CP Bảo hiểm Petrolimex	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Xây lắp I Petrolimex	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty Xăng dầu Khu vực II	250.000.000	250.000.000
Công ty TNHH Đông Dương	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán SHS	9.800.000.000	19.000.000.000
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	1.000.000.000	1.000.000.000
Các cổ đông khác	25.450.000.000	16.250.000.000
Tổng	100.000.000.000	100.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	100.000.000.000	100.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 Cổ phiếu	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/6/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.376.525.328	1.376.525.328

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.16 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.600.000.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.686.265.193	1.766.772.728
Tổng	6.286.265.193	1.766.772.728

5.17 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Giá vốn kinh doanh bất động sản	4.369.772.546	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.600.463.787	1.352.000.000
Tổng	5.970.236.333	1.352.000.000

5.18 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	560.455.359	2.175.344.791
Cổ tức lợi nhuận được chia	81.000.000	4.075.000
Lãi chuyển nhượng cổ phần	30.000.000	-
Tổng	671.455.359	2.179.419.791

5.19 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Dự phòng đầu tư chứng khoán	(500.882.780)	17.111.400
Dự phòng đầu tư công ty con, công ty liên kết	-	612.744.790
Lỗ tỷ giá chưa thực hiện	2.030	10.152
Tổng	(500.880.750)	629.866.342

5.20 Thu nhập khác, chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	-	257.272.727
Thu nhập khác	2.414.182	986.364
Tổng	2.414.182	258.259.091
Chi phí khác		
Tổng	-	-
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	2.414.182	258.259.091

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09a - DN

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(1.519.308.815)	(3.953.612.470)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(1.519.308.815)	(3.953.612.470)
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	10.000.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(152)	(198)

5.22 Chi phí sản xuất theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	86.314.384	35.195.199
Chi phí nhân công	1.616.471.550	1.235.674.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	157.619.364	253.320.270
Chi phí dự phòng	335.003.350	3.562.355.070
Chi phí dịch vụ mua ngoài	431.801.005	206.860.956
Chi phí khác bằng tiền	382.878.313	882.791.353
Tổng	3.010.087.966	6.176.197.738

Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố không bao gồm giá vốn của hoạt động kinh doanh bán hàng thương mại

6 THÔNG TIN KHÁC

6.1 Thông tin về các bên liên quan

a. Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 VND	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị	Thù lao	169.200.000	137.653.800

b. Số dư, Giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các biểu mẫu hợp nhất Tập đoàn - được chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017
PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu: 01-B/HN-CTC

BÁO CÁO CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN
 Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2017

Stt	Mã đơn vị	Hình thức/ Đơn vị đầu tư	Ngày bắt đầu đầu tư	Vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư		Số lượng cổ phiếu phát hành	Số lượng cổ phiếu Công ty nắm giữ	Giá trị đầu tư (Đồng)	Tỷ lệ vốn góp	Mức độ ảnh hưởng	Tỷ lệ lợi ích
				Vốn điều lệ (Đồng)	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Đồng)						
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
I		Đầu tư vào Công ty con (TK221)						1.620.000.000			
1	11061400	Công ty CP Tư vấn công nghệ Xây dựng Petrolimex	7/2009	3.000.000.000	3.000.000.000	300.000	162.000	1.620.000.000	54,00%	54,00%	54,00%
II		Đầu tư Công ty liên kết (TK223)						4.745.010.000			
1	11061500	Cty CP Bất động sản Nghệ An	6/2011	10.000.000.000	10.000.000.000	1.000.000	474.501	4.745.010.000	47,45%	47,45%	47,45%
III		Đầu tư dài hạn khác (TK228)						4.034.277.840			
1		Cổ phiếu ACB	10/2007				54.144	4.034.277.840			

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Phan Thanh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ DỊCH VỤ HẠ TẦNG XĂNG DẦU
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017
PHỤ LỤC II - BẢNG TỔNG HỢP GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số: 05-B/HN-CTC

BẢNG TỔNG HỢP CÔNG NỢ PHẢI TRẢ NỘI BỘ TẬP ĐOÀN
 Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2017

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã nhóm	Mã đơn vị	Tên đơn vị	Phải trả người bán	Người mua trả trước	Phải trả theo tiến độ KH HỖXD	Phải trả phải nộp khác	Nhận ký quỹ ký cược	Vay và nợ nội bộ
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6
			PHẦN I: NGẮN HẠN	-	-	-	538.164.194	-	-
1	XD	11050000	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam				538.164.194		
			PHẦN II: DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-

Người lập biểu



Nguyễn Đức Toàn

Kế toán trưởng



Vũ Phương Nhung

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017
 Tổng Giám đốc

